

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỂN 8

### CHƯƠNG 7: NHẬP TƯ LƯƠNG QUẢ

**Giải thích:** Do nhập tướng hiểu biết thù thắng, Bồ-tát đắc quả gì? Bồ-tát đắc quả tư lương, có tám thứ.

**Luận nói:** Do nhập tướng này mà đắc Sơ địa hoan hỷ.

**Giải thích:** Văn này chỉ rõ ba quả: 1. Đắc thời thù thắng. 2. Đắc phương tiện thù thắng. 3. Đắc quả thù thắng.

Sơ (ban đầu) tức là thứ nhất nói về quả đắc thời thù thắng. Từ ban đầu phát tâm tu hành cầu đến thời này, bây giờ mới được cho nên gọi là sơ. Thời điểm cầu là thời nhập quán chân thật, đây là nói rõ được trụ quả Chân như. Lại nữa, xả phàm phu và nhị thừa vị mới đắc địa vị Chân như của Bồ-tát cho nên gọi là thời thù thắng. Vì thời này là thời chuyển y, nên gọi thời điểm ban đầu (sơ) này là thời điểm thù thắng, tức là thuyết minh quả chuyển y.

Hoan hỷ tức là thuyết minh thứ hai đắc quả phương tiện thù thắng. Xả tự ái gọi là hoan, sinh tha ái gọi là hỷ. Hoặc không tiếc tự thân, không chán ghét người khác, trong các hạnh không có hành khó làm. Tâm này trong phương tiện là tối thắng, lấy làm căn bản của các hạnh, cho nên sơ địa từ quả này mà lập tên.

Lại nữa, chưa từng được công dụng lớn và tâm xuất thế, khi đắc thì có vui mừng lớn cho nên gọi là địa hoan hỷ, tức là thuyết minh thứ ba đắc quả thù thắng. Trụ nhiếp là nghĩa của địa. Xuất ly chân như là thể của địa. Do trụ vào thể này cho nên gọi là quả thù thắng, nhân của địa gọi là nhiếp, là hai thứ tư lương phước đức và trí tuệ. Lại nữa, sở nhiếp gọi là nhiếp, là những chúng sinh được lợi ích. Lại nữa, quả gọi là nhiếp, là Vô thượng Bồ-đề. Lại nữa, chương gọi là nhiếp, là ba thứ phiền não. Những nghĩa như vậy gọi là địa vì là chỗ gồm thâu của địa.

**Luận nói:** Khéo thông đạt pháp giới.

**Giải thích:** Tức là thuyết minh việc chứng được quả thông đạt thù

thắng thứ tư. Quả thông đạt thù thắng có ba nghĩa: 1. Do đắc bốn y chỉ, nghĩa là Bồ-tát y pháp bất y nhân. Do thông đạt này mà tất cả tam thừa tam tạng của Như Lai nói Bồ-tát đều giải thích văn như lý. Cho nên do văn có thể khiến cho mình và người hiểu được pháp giới Chân như. 2. Như Lai an lập mười địa. Căn cứ theo pháp giới có mười lớp, từ thông đạt thứ nhất cho đến địa trên đều khéo thông đạt. 3. Căn cứ theo bốn loại phương tiện, khéo thông đạt pháp giới là có khả năng thông đạt khổ của sinh tử, mà có thể hằng nhập hai phương tiện đó, có thể thông đạt Niết-bàn mà không mau chóng cầu hai phương tiện đó, có khả năng thông đạt khổ khác với phàm phu, nhập khổ mà không chán sợ, khác với nhị thừa; có khả năng thông đạt Niết-bàn mà không mau chóng cầu Niết-bàn, khác với Nhị thừa.

**Luận nói:** Được sinh vào nhà của mười phương chư Phật.

**Giải thích:** Tức là thuyết minh việc chứng đắc quả vị quyết định thù thắng thứ năm. Do nhập tướng thù thắng này, người đó quyết định phải phá vỡ cái vô minh, không ở trong trứng mà thối rửa bỏ mạng. Lại nữa, tiếp theo là người do nhập tướng thù thắng này quyết định, phải nối tiếp chủng tánh của chư Phật khiến cho không đoạn tuyệt, vì tự mình phải thành Phật, cũng khiến cho người khác thành Phật. Lại nữa, Phật tử có năm nghĩa: 1, Nguyện ưa thích Vô thượng thừa làm chủng tử. 2, Lấy Bát-nhã làm mẹ. 3, Lấy Định làm thai. 4, Lấy đại bi làm mẹ nuôi. 5, Lấy chư Phật làm cha. Do những nghĩa này cho nên nói được sinh vào nhà của chư Phật.

**Luận nói:** Chứng được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh.

**Giải thích:** Tức là thuyết minh việc chứng được quả ân dưỡng thù thắng quả thứ sáu. Ân dưỡng có bốn thứ: 1, Quảng đại. 2, Tối cực. 3, Vô biên. 4, Vô đảo. Do bốn nghĩa này mà đối với chúng sanh đắc tâm ân dưỡng bình đẳng. Lại nữa, như Bồ-tát đối với tự thân khởi tâm Bát Niết-bàn. Lại nữa, do Bồ-tát đã đắc tâm bình đẳng đối với mình và người khác, cầu diệt khổ cho người khác cũng như cầu diệt khổ cho mình.

**Luận nói:** Đắc tâm bình đẳng của tất cả Bồ-tát.

**Giải thích:** Tức là thuyết minh việc chứng đắc quả ý dụng thù thắng thứ bảy. Bồ-tát nếu muốn có chỗ thực hành, thì trước hết phải suy lường, cho nên gọi là ý. Sau đó thì như những gì đã suy lường mà làm cho nên gọi là dụng. Lại nữa, cầu đắc ba sự là ý, là chưa gieo giống thì khiến cho gieo giống, chưa thành thực khiến cho thành thực, chưa giải thoát khiến cho giải thoát, thực hành bốn nhiếp pháp làm dụng. Do hai nhiếp đầu khiến cho phát tâm. Do lợi hành nhiếp khiến cho thành thực.

Do đồng lợi nhiếp khiến cho giải thoát.

**Luận nói:** Được tâm bình đẳng của tất cả các Đức Phật.

**Giải thích:** Tức là thuyết minh việc chứng đắc quả chí đắc thù thắng thứ tám. Trong kiến vị Bồ-tát đã đắc pháp thân của Như Lai. Do đắc pháp thân này, cho nên cùng với tâm của chư Phật được bình đẳng. Lại nữa, đối với tự thân, thấy pháp giới không có sai biệt, không thấy pháp giới của ba đời chư Phật khác với pháp giới của tự mình, là đắc tâm bình đẳng của chư Phật

**Luận nói:** Quán này gọi là Bồ-tát kiến đạo.

**Giải thích:** Bồ-tát kiến có ba thứ: 1. Trừ phương tiện kiến. 2. Ứng trừ kiến. 3. Trừ diệt kiến. Trừ phương tiện kiến là bốn thứ biết như thật. Ứng trừ kiến là tánh phân biệt và tánh y tha. Trừ diệt kiến là ba vô tánh. Ba thứ kiến này đều nương theo quán duy thức mà được thành. Cho nên quán này thuyết minh thứ tự tướng, tánh của kiến đạo.

## CHƯƠNG 8: NHỊ TRÍ DỤNG

**Luận nói:** Lại nữa, tại sao Bồ-tát nhập quán duy thức?

**Giải thích:** Câu hỏi này để làm rõ hai nghĩa: 1. Làm rõ quán duy thức khó nhập. 2. Làm rõ nếu được nhập thì có công dụng lợi ích vô cùng.

**Luận nói:** Do duyên pháp thông suốt làm cảnh.

**Giải thích:** Trước hết là thuyết minh nhập hai quán phương tiện trước và sau. Đáp câu hỏi thứ nhất nhập quán duy thức đạo, Trí này có bốn đức: 1. Vô đảo. 2. Thanh tịnh. 3. Tịch tĩnh. 4. Vi tế. Đây tức là thuyết minh thứ nhất không điên đảo. Thông pháp có bốn phẩm, là hạ, trung, thượng và thượng thượng. Hạ phẩm là tất cả pháp hữu lưu đều khổ. Trung phẩm là tất cả hữu vi đều vô thường. Thượng phẩm là tất cả pháp đều vô ngã. Thượng thượng phẩm là ba vô tánh. Duyên ba vô tánh làm cảnh cho nên gọi là không điên đảo.

**Luận nói:** Xuất thế.

**Giải thích:** Tức là thứ hai thanh tịnh. Do trí xuất thế vô lưu đó cho nên được thanh tịnh.

**Luận nói:** Xa-ma-tha (chỉ).

**Giải thích:** Tức là thứ ba tịch tĩnh. Do trí này nương vào Xa-ma-tha mà khởi, lìa địa tán động là trí Xa-ma-tha cho nên gọi là tịch tĩnh.

**Luận nói:** Trí Tỳ-bát-xá-na (quán).

**Giải thích:** Tức là thứ tư vi tế. Làm rõ Tu Tuệ của Bồ-tát, không phải Văn, Tư, Tu, Tuệ của Nhị thừa, Đây tức là mới nhập phương tiện quán duy thức.

**Luận nói:** Do Vô phân biệt trí sau đó đạt được.

**Giải thích:** Muốn chỉ rõ trí này từ trí không điên đảo sinh cho nên được không điên đảo, vì không điên đảo cho nên là biết như lý.

**Luận nói:** Nhiều loại tướng thức làm trí tướng.

**Giải thích:** Đây là làm rõ cái biết như lượng khởi tương tự tất cả cảnh. Lấy tất cả cảnh thức làm tướng, đối với tất cả chỗ biết đều vô ngại. Do trí mà này được nhập pháp quán sau cùng của duy thức. Đây tức là nhập pháp quán phương tiện sau. Do trước và sau khó nhập, quán duy thức khó đắc.

**Luận nói:** Nhằm trừ diệt trong cùng bản A-lê-da thức, tất cả nhân là chủng tử của các pháp.

**Giải thích:** Dưới đây là chánh thuyết minh hai trí dụng. Hai trí dụng có ba thứ: 1. Diệt chướng dụng. 2. Lập nhân dụng. 3. Đắc Phật pháp dụng. Đoạn văn này tức là thuyết minh thứ nhất tức công dụng diệt trừ chướng. “Hoặc” của hiện tại chưa diệt khiến cho diệt. Nói trừ Hoặc vị lại, chưa sinh thì khiến cho nó không sinh, cho nên gọi là diệt, duy thức đạo thông với pháp diệt bất tịnh của chủng tử nhân quả. Nhân có ba thứ: 1. Nhân duyên. 2. Tăng Thượng duyên. 3. Duyên duyên. Quả tức là chủng tử thuộc phẩm bất tịnh. Đã thông với nhân quả diệt chủng tử cho nên gọi là cộng. A-đà-na thức và sáu thức làm nhân duyên của phẩm bất tịnh, gọi là bản thức A-lê-da, là duyên tăng thượng của phẩm bất tịnh. Duyên duyên tức là sáu Trần, vì sáu Trần làm duyên duyên của chủng tử. chủng tử của tất cả pháp tức là chủng tử của tất cả pháp thuộc phẩm bất tịnh, chủng tử tức là quả. Quả này có ba nhân của duyên duyên. A-lê-da thức đã là chủng tử tăng thượng duyên, tức là chủng tử trong A-lê-da thức.

**Luận nói:** Là chủng tử các pháp sinh trưởng có thể tiếp cận Pháp thân.

**Giải thích:** Tức là thuyết minh việc thiết lập cộng dụng của nhân thứ hai. Các pháp tức là lục độ, chỗ hành lục độ Ba-la-mật của Bồ-tát huân tập, có thể làm nhân của Vô thượng Bồ-đề, cho nên gọi là chủng tử. Chủng tử này hoặc sinh hoặc trưởng, có thể chứng đắc Như Lai pháp thân, cho nên gọi là Xúc, làm sinh trưởng hai nhân phước và tuệ. Vì nhập duy thức quán và duy thức có thể lập nhân, khiến cho đắc Vô

thượng Bồ-đề.

**Luận nói:** Là chuyển y.

**Giải thích:** Dưới đây là thuyết minh việc chứng đắc cộng dụng của Phật pháp thứ ba. Vì được pháp thân thanh tịnh không cấu nhiễm của Như Lai, tức là lậu tận không sợ.

**Luận nói:** Đắc chánh pháp của tất cả Như Lai.

**Giải thích:** Tức là hai pháp không sợ, có thể thuyết đạo không chướng và có thể thuyết pháp để diệt tận khổ đau. Điều này là vì lợi ích người khác và vì an lập chánh pháp.

**Luận nói:** Chứng đắc trí của Nhất thiết trí.

**Giải thích:** Tức là tất cả trí không sợ. Ba câu này làm rõ ba đức. Thứ nhất thuyết minh Đoạn đức. Thứ hai thuyết minh Ân đức. Thứ ba thuyết minh trí Đức.

**Luận nói:** Cho nên nhập quán duy thức.

**Giải thích:** Vì thành tựu ba dụng trước cho nên nhập quán duy thức. Hoặc do vô phân biệt trí diệt chướng lập nhân đắc quả, cho nên nhập quán duy thức. Sau khi nhập quán thì dụng của vô phân biệt hậu trí như thế nào? Nếu nương vào vô phân biệt Trí, thì chính là nói nhân quả của các pháp không có công năng, vì trí này không có phân biệt. Do vô phân biệt hậu trí mà Bồ-tát trong các pháp tướng tự không có điên đảo, như chỗ chứng của mình, cũng có thể vì người khác mà thuyết nhân quả của các pháp. Để đắc hai công dụng này, Bồ-tát phải tu vô phân biệt hậu Trí.

**Luận nói:** Vô phân biệt trí, hậu sở đắc là ở trong tướng của bản thức, và tất cả thức được sinh và tướng thức.

**Giải thích:** Đoạn văn này chỉ rõ Bồ-tát do trí này mà bản thức không điên đảo trong nhân quả là tánh y tha, tức là chánh nhân đã sinh tất cả thức, tức là chỗ sinh quả của bản thức. Nói rằng bản thức tức là tánh phân biệt tướng thức, tức là khí thế giới và sáu trần, cũng là quả của bản thức, cũng là tánh phân biệt. Đoạn văn này thuyết minh đầy đủ ba tướng. Đó là nội tướng, ngoại tướng và nội ngoại tướng. Cho nên nói “trong tướng của... Bồ-tát trong nhân quả này không bị điên đảo trở lại”.

**Luận nói:** Do quán các thí dụ tự huyễn Hóa, mà tự tánh không có điên đảo.

**Giải thích:** Bồ-tát lấy vô phân biệt hậu trí quán tướng nhân quả này, tự nhiên không có điên đảo, không chấp có ngoại trần, nội căn, chỉ có thức là pháp thật có. Tại sao vậy? Bồ-tát đã phân biệt rõ những pháp

này tợ các thí dụ huyền hóa... không thể nương vào tướng của thấy nghe hiểu biết mà phán đoán các pháp này là thật có. Tại sao vậy? Vì tâm này được phát ra từ gốc của thanh tịnh.

**Luận nói:** Do nghĩa này, Bồ-tát như nhà ảo thuật, đối với tất cả việc huyền hóa tự hiểu rõ không điên đảo.

**Giải thích:** Như nhà ảo thuật đối với việc huyền hóa sinh bốn thức thấy nghe hiểu biết, không nương vào thức này để hiểu rõ việc huyền hóa, mà như căn bản chỗ hiểu phân biệt rõ sự huyền, trong việc huyền hóa không có đảo, Bồ-tát cũng vậy, do nương vào bản trí mà phân biệt rõ trong tất cả tướng và nhân quả, không bị điên đảo trở lại. Đó là Bồ-tát tự lợi.

**Luận nói:** Trong tất cả tướng nhân duyên và quả, hoặc khi chánh thuyết thì thường không có điên đảo thiên lệch.

**Giải thích:** Nếu Bồ-tát nương vào bản trí làm lợi ích cho người khác, là chánh thuyết nghĩa ba tạng của ba thừa và năm minh, thường không có thiên lệch điên đảo chống trái nhau. Không thật không định gọi là thiên, phù hợp với lý chân thật không thể động là vô thiên. Xứ và thời lạm tràn gọi là đảo. Tùy xứ tùy thời tùy tướng là không điên đảo. Đó là Bồ-tát làm lợi ích cho người khác.

## CHƯƠNG 9: NHỊ TRÍ Y CHỈ

**Luận nói:** Lúc đó chánh nhập quán duy thức vị, có bốn thứ Tam-ma-đề, là bốn thứ thông đạt sự y chỉ của thiện căn. Tại sao Bồ-tát nên thấy” ?

**Giải thích:** Câu hỏi này muốn làm rõ nhập quán có ba nghĩa: 1. Chân cảnh. 2. Xa-ma-tha. 3. Tỳ-bát-xá-na. Để thuyết minh xứ phải nhập cho nên nói “chánh nhập”. Trong quán duy thức Vị, thì duy thức xứ tức là chân như của tam vô tánh, chân như này không phải là trí cảnh tán động. Nói bốn thứ Tam-ma-đề làm y chỉ là cảnh cùng với trí không thể phân riêng. Nói bốn thứ thông đạt phần thiện căn là năng chứng. Tại sao phải thấy các pháp này?

**Luận nói:** Do bốn thứ tâm tư, pháp quán nhãn không có pháp trần của phẩm hạ.

**Giải thích:** Nghĩa vui quán không có pháp trần cho nên gọi là nhãn. Nhãn này chưa lìa ba tướng, là quán khéo thành tựu nhân duyên

mê hoặc, nhiễm ô và thanh tịnh, chưa được tùy ý tu tập cho nên là thuộc phẩm hạ.

**Luận nói:** Quang đặc Tam-ma-đề.

**Giải thích:** Vô trần trí gọi là quang. định này lấy vô trần trí làm sở đắc, định này làm y chỉ của vô trần trí, cho nên gọi là quang đặc. Định tức là Xa-ma-tha, trí tức là Tỳ-bát-xá-na, nếu đủ năm phần năm trí thì định này gọi là Tam-ma-đề.

**Luận nói:** Là hạnh Noãn, thông đạt phần, y chỉ thiện căn.

**Giải thích:** Hai hạnh Phước Đức và trí tuệ làm thể của Noãn hạnh. Tức là ba mươi bảy phẩm. Hạnh này là tướng đạo lửa trước có khả năng đốt rụi củi mê hoặc, cho nên gọi là Noãn. Noãn hạnh này đã vượt qua bốn vị của địa trước. Quyết định phân biệt rõ chân như trí gọi là thông đạt. Đạo phương tiện này có thể trợ thành thông đạt trí cho nên gọi là phần. Có khả năng giúp trợ sinh cứu cánh vị cho nên gọi là thiện căn. Định này có thể làm thông đạt phần tăng thượng duyên cho nên gọi là y chỉ. Lại nữa, lập định trong ba mươi bảy phẩm làm sở y chỉ, còn lại ba mươi sáu phẩm làm năng y chỉ. Chính Bát-nhã trong ba mươi sáu phẩm là thông đạt, còn lại ba mươi lăm phẩm làm phần, ba mươi sáu phẩm gọi chung là thiện căn. Lại nữa, bốn thiện căn tức là bốn phần.

**Luận nói:** Đối với phẩm tối thượng, quán không pháp trần với nhãn quang tăng Tam-ma-đề là đánh hạnh thông đạt phần thiện căn y chỉ

**Giải thích:** Đã lìa ba tướng, là tối thượng phẩm. Vô trần quán nhãn, giải thích như trước. Vô trần trí gọi là quang, trí này thắng tiến trong phương tiện cho nên gọi là tăng. Định này làm y chỉ của vô trần thắng tiến trí cho nên gọi là quang tăng, cũng lấy hai hạnh phước đức và trí Tuệ làm thể của đánh hạnh. Đánh có ba nghĩa: 1. Như đỉnh đầu của con người có khả năng trì giữ thân mạng, người tu đạo cũng như thế. Nếu đến vị này thì thiện căn không thể đoạn. 2. Như đánh núi là giới hạn thoái lui, có người đến đỉnh núi rồi lui trở lại, người tu đạo cũng như thế. Hoặc có người đến vị này, trụ trong phương tiện không tiến tới nữa cho nên gọi là Thoái. 3/ Như đánh núi là giới hạn tiến tới, hoặc có người đến đỉnh núi rồi lại thắng tiến thêm nữa, người tu đạo cũng như thế. Hoặc có người đến vị này rồi tiến vào thắng vị, cho nên đặt tên là Đánh. Đã nói Bồ-tát đối với bốn thứ tầm tư mà tu hai loại phương tiện đạo noãn đánh. Tu đạo trong bốn thứ như thật trí là thế nào.

**Luận nói:** Đối với bốn thứ trí hiểu biết như thật, Bồ-tát đã nhập quán duy thức hiểu rõ không có trần.

**Giải thích:** Nếu Bồ-tát vượt qua bốn thứ tầm tư vượt qua hai vị noãn đảnh, thì trong bốn thứ trí hiểu biết như thật, Bồ-tát duyên cảnh nào? Bồ-tát chỉ duyên duy thức làm cảnh. Duyên duy thức cảnh thì chỗ nào liễu biệt nghĩa vô trần? Trừ vô minh và nghi hoặc gọi là liễu biệt. Ba câu này hằm rõ vị và cảnh trí.

**Luận nói:** Chánh nhập một phần chân nghĩa.

**Giải thích:** Do trí này, Bồ-tát nhập một phần chân nghĩa, là vô tướng tánh, chưa nhập vô sinh tánh và tánh của vô tánh.

**Luận nói:** Thông hành Tam-ma-đề, là tùy y chỉ nhãn chẳng phải an lập đế.

**Giải thích:** Thể vô trần trí gọi là thông. Định này lấy vô trần trí làm hạnh, tức là làm y chỉ của vô trần trí hạnh cho nên gọi là thông hạnh, là chỗ hiển thị của ba vô tánh, nhân pháp hai không gọi là chẳng phải an lập đế. Tại sao vậy? Vì Đế này chung với tất cả pháp, không có sai biệt cho nên gọi là chẳng phải an lập. Vô đảo vô biến dị cho nên gọi là đế nhãn, có thể phù hợp từ nghĩa này cho nên gọi là tùy, cũng lấy hai hạnh phước đức trí Tuệ làm thể của nhãn. Bồ-tát đã quyết liễu rõ ràng không có nghĩa ngoại trần. Trong nghĩa không có năng thủ và sở thủ, tâm sinh tin ưa cho nên gọi là nhãn. Lại nữa, có thể an thọ nghĩa thượng phẩm đế cho nên gọi là nhãn, trong thượng phẩm đế, tâm không thoái lui cho nên gọi là nhãn.

**Luận nói:** Tam-ma-đề này, sát-na sau cùng, rõ phục diệt duy thức tướng.

**Giải thích:** Tam-ma-đề này tức là thông hạnh Tam-ma-đề. Lấy thông hạnh thượng thượng phẩm một sát-na định tối hậu, do trước kia liễu biệt vô tướng tánh, sau này lại tư lương sở duyên, đã không có gì thì năng duyên chắc chắn không sinh được, do biết rõ này, cho nên có thể phục diệt duy thức tướng, duy thức tướng đã diệt, thì từ sát-na sau cùng lại tiến thêm sát-na thứ hai, thì liền nhập sơ địa.

**Luận nói:** Chuyển gọi là vô gián Tam-ma-đề.

**Giải thích:** Định này cùng với sơ địa bên nhau, không làm chõ ngăn cách của các tâm khác cho nên gọi là vô gián. Lại nữa, hoặc của các địa dưới không thể chướng ngại nhập sơ địa, không giống như đạo của địa dưới, ngăn cách phương tiện thù thắng, không được nhập ngay sơ địa, cho nên gọi là vô gián.

**Luận nói:** Phải biết là y chỉ của pháp thế đệ nhất.

**Giải thích:** Bồ-tát lấy địa trước làm thế pháp, lấy đấng địa làm pháp xuất thế, định vô gián này cũng là thế pháp. Trong thế pháp không



có pháp nào bằng nó nên gọi là đệ nhất. Tại sao vậy? Tại vì thế gian chúng sinh không có ai có thể tu hành bằng pháp này. Lại nữa, định này tuy là thế pháp nhưng có thể làm xuất thế đạo tăng thượng duyên của Bồ-tát, các thế pháp thì không có nghĩa này cho nên gọi là Thế đệ nhất. Lại cũng chỉ có một sát-na cho nên gọi là đệ nhất.

**Luận nói:** Bốn thứ Tam-ma-đề này là Bồ-tát nhập quán phương tiện trước phi an lập đế.

**Giải thích:** Hai định trước là tu vô gián, hai định sau là tu cung kính, muốn làm rõ bốn định này không phải chân đạo, cho nên nói là phương tiện trước.

## -----

### CHƯƠNG 10: NHỊ TRÍ SAI BIỆT

**Luận nói:** Nếu Bồ-tát nhập sơ địa như vậy là đã đắc kiến đạo, đắc thông đạt nhập duy thức.

**Giải thích:** Dưới đây làm rõ kiến đạo làm y chỉ của tu đạo. Do trước thành lập kiến đạo mà tu đạo được thành. Nếu Bồ-tát trong Nguyên Lạc địa, tu hành đủ các phương tiện thì được nhập sơ địa. Nguyên nhân được nhập sơ địa là do đắc kiến đạo, kiến đạo tức là vô phân biệt trí. Nguyên nhân đắc vô phân biệt trí là do thông đạt chân như và tục đế, cho nên biết không có pháp trần là thông đạt chân như, chỉ có thức là thông đạt tục đế. Lại biết thức này không có sinh tánh là thông đạt chân như, thức này là giả có làm thông đạt Tục. Nếu không thông đạt tục đế thì không có gì để có thể được thấy Chân, vì lia tục thì không có chân. Nếu không thông đạt Chân thì không có gì để điều xua đuổi tục, vì tục không có thể riêng. Nguyên nhân có thể thông đạt chân tục, là do có khả năng hiểu duy thức lý. Văn này làm rõ bốn nghĩa: 1. Xuất thế quả. 2. Xuất thế hạnh. 3. Xuất thế cảnh. 4. Xuất thế phương tiện. Sơ địa là quả. Tổng hợp pháp hữu vi vô vi là thế. Phước đức và trí tuệ là hữu vi, chân như và phiền não bất sinh là vô vi. Sơ địa là giả danh, do là tổng cho nên kiến đạo là hạnh, chỗ thông đạt chân tục là cảnh, nhập duy thức là phương tiện. Do nhập duy thức làm phương tiện, có thể thông đạt cảnh chân tục. Do thông đạt cảnh chân tục cho nên đắc vô phân biệt trí hạnh. Do đắc thắng hạnh cho nên đắc quả sơ địa.

**Luận nói:** Tại sao Bồ-tát tu tập Quán hành để nhập tu đạo” ?

**Giải thích:** Câu hỏi tại sao trên đây là hỏi về mười nghĩa: 1. tướng.

2. Thứ đệ. 3. Tu. 4. Sai biệt. 5. Nhiếp Tương trợ. 6. Nhiếp tương nghi. 7. Công đức. 8. Quán sát lẫn nhau. 9. Danh. 10. Tịnh và bất tịnh. Luôn luôn tu sở đắc làm sự tu tập, phước đức trí Tuệ làm hạnh, Bát-nhã làm quán, cho nên gọi là Quán hành. Lại nữa, kiến đạo gọi là quán, các sở đắc sau kiến đạo đều gọi là hạnh. Bồ-tát y chỉ kiến đạo, lấy những tướng gì để nhập sơ địa?

**Luận nói:** Như Phật rộng nói đã an lập pháp tướng đối với Bồ-tát mười địa.

**Giải thích:** Trong đây, trước thuyết minh ba tuệ, sau thuyết minh công năng của ba tuệ. Đoạn văn này là thuyết minh cảnh của ba tuệ Phật nói rộng là cảnh của Văn tuệ. Chỗ an lập pháp tướng, tức là tương đương với mười thứ pháp tướng, là cảnh của Tư tuệ. Đối với mười địa Bồ-tát thì tức là cảnh của tu tuệ. Tiểu thừa cũng có mười địa, lấy Bồ-tát làm tiêu chuẩn, mười địa đều có mười tướng cho nên nói là mười địa.

**Luận nói:** Do gồm thấu tất cả mười hai bộ kinh thuộc đại thừa mà Như Lai nói, cho nên được hiện tiền.

**Giải thích:** Dưới đây thuyết minh công năng của ba tuệ. Đây là thuyết minh công năng của Văn tuệ, Văn tuệ có thể thông đạt mười hai bộ kinh cho nên nói là nhiếp.

**Luận nói:** Do Trị hai cảnh thông và biệt đã nói.

**Giải thích:** Đây là thuyết minh công năng của Tư tuệ, hai cảnh thông biệt thì tương đương với mười pháp, Tư tuệ có thể nghiên cứu tu tập mười pháp này cho nên nói là trị.

**Luận nói:** Do sinh khởi duyên cảnh thông suốt.

**Giải thích:** Dưới đây thuyết minh công năng của tu tuệ. Phương tiện làm sinh, chánh quán làm khởi, vô gián đạo làm sinh, giải thoát đạo làm khởi. Nhập phần làm sinh, xuất phần làm khởi, kiến đạo làm sinh, tu đạo làm khởi, xuất thế đạo làm sinh, thế gian đạo làm khởi, chỗ duyên của như lý như lượng trí làm cảnh thông suốt.

**Luận nói:** Xuất thế vô phân biệt trí và vô phân biệt trí Hậu sở đắc.

**Giải thích:** Đây là chánh thuyết minh thể của tu tuệ.

**Luận nói:** Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na Trí.

**Giải thích:** Làm rõ sự tịch tĩnh vô đảo của hai trí này. Do Xa-ma-tha cho nên tịch tĩnh, do Tỳ-bát-xá-na cho nên không điên đảo.

**Luận nói:** Do trong vô lượng vô số trăm ngàn câu-chi đại kiếp, nương vào niệm niệm tu tập.

**Giải thích:** Văn này làm rõ ba tuệ có đủ bốn thứ tu, không thể lấy

loại thí dụ để biết là vô lượng, không thể đếm để biết là vô số. Trăm ức làm một Câu-chi, không phải một Câu-chi cho nên nói một ngàn, cũng không phải một ngàn cho nên nói trăm, không phải tiểu kiếp cho nên nói là đại, đây là thuyết minh trường thời tu, niệm niệm tu tập tức là làm rõ vô gián cung kính vô dư tu.

**Luận nói:** Do chỗ đặc chuyển y xưa và nay.

**Giải thích:** Trước kia, chỗ đặc chuyển y khi nhập kiến vị, thì pháp này là tu đạo nhiếp trì, tất cả chỗ tu đạo đều thành Thánh đạo, đã vượt qua Nguyên Lạc địa.

**Luận nói:** Vì đặc ba thứ Phật thân, lại tu thêm gia hạnh.

**Giải thích:** Là tu đạo nhiếp trì cứu cánh dụng, do đạo lý như vậy mà Bồ-tát tu thêm gia hạnh. Trước hết tu đạo để thấy chân như, hiện tại lập lại tu đạo để đặc ba thân cho nên nói “tu thêm. Lại nữa...

**Luận nói:** Thế nào?”

**Giải thích:** Thế nào” là câu hỏi, căn cứ theo sáu nghĩa để hỏi:

1. Căn cứ theo cảnh giới của tu vị để hỏi, cảnh giới của tu đạo tự có ba thứ: a. gia hạnh y chỉ là văn giáo (văn tự). b. tu hạnh tư lương là Y lý phán nghĩa. c. tu hạnh sở thông đạt xứ là cảnh giới của tu tuệ, ba câu sau là thuyết minh cảnh giới của ba tuệ, dùng để đáp câu hỏi này.

2. Căn cứ theo công năng của ba tuệ để hỏi. Ba câu sau thuyết minh công năng của ba tuệ, dùng để đáp câu hỏi này. Thứ nhất thuyết minh Văn tuệ là phương tiện của tu tuệ, thứ hai thuyết minh Tư tuệ là tư lương của tu tuệ, thứ ba thuyết minh vô phân biệt trí là thể của tu tuệ.

3. Căn cứ theo nhân quả của tu vị tu tuệ để hỏi, sau đó thuyết minh vô phân biệt trí hậu sở đắc, dùng để đáp câu hỏi này. Do tu tuệ mà trí này được sinh, là quả của tu tuệ. Nếu không có trí này thì không được tiến đến Đạo sau, là nhân của tu tuệ.

4. Căn cứ theo bốn pháp tu của tu vị để hỏi, sau đó thuyết minh tu trường kì cho đến tu không gián đoạn, dùng để đáp câu hỏi này.

5. Căn cứ theo y chỉ của tu tuệ để hỏi, sau đó thuyết minh chuyển y dùng để đáp câu hỏi này. Nếu không có chuyển y này làm y chỉ, thì tu vị không thành Thánh đạo. Tại sao vậy? Vì phạm phu chưa chuyển.

6. Căn cứ theo thắng dụng của tu vị để hỏi, sau đó thuyết minh ba thân để đáp câu hỏi này. Vì viên mãn hai dụng tự lợi và lợi tha cho nên tu gia hạnh. Lại nữa...

**Luận nói:** Thế nào?

**Giải thích:** Hỏi chung về thứ tự của tu vị, sau đó thuyết minh đầy đủ thứ tự, từ phần thứ nhất Khởi tu tâm cho đến tu vị cứu cánh dùng để

đáp câu hỏi này. Trước hết lấy ba câu để thuyết minh văn tứ tu vị tức là cảnh của ba tuệ, ba câu kế đó chỉ rõ công năng có thể nhập ba cảnh, tức là ba tuệ, kế đó chỉ rõ công năng lợi tha tức là hậu đắc trí, như những gì chính mình chứng đắc mà nói cho kẻ khác hiểu. Kế đó thuyết minh bốn pháp tu để chỉ rõ tu vị do bốn pháp tu mà được thành viên mãn. Kế đó thuyết minh chuyển y để chỉ rõ tự lợi chuyển y, là đắc căn bản bốn đức của pháp thân, cho nên là tự lợi; kế đó thuyết minh ba thân, ba thân đối với cứu cánh tu vị được thành, có thể bình đẳng lợi ích cho mình và người. Pháp thân là tự lợi, Ứng thân và hóa thân là lợi tha. Lại nữa...

**Luận nói:** Như Phật rộng nói đã an lập pháp tướng đối với thập địa Bồ-tát.

**Giải thích:** Thập địa tức là văn cú của phẩm thập địa trong Kinh Hoa Nghiêm đã làm rõ. Trong văn cú này, Như Lai rộng nói Tùy sở an lập đạo lý. Lại nữa...

**Luận nói:** Do nhiếp tất cả mười hai Bộ Kinh Đại thừa mà Như Lai nói, cho nên được hiện tiền.

**Giải thích:** Hợp tất cả pháp mà Như Lai nói làm chung một cảnh. Lại nữa...

**Luận nói:** Do trị thông và biệt hai cảnh đã nói.

**Giải thích:** Cảnh hợp lại là đơn giản hay là phức tạp? Muốn chỉ rõ song quán chân tục thông với một tướng không. Lại nữa...

**Luận nói:** Do sinh khởi duyên cực thông cảnh, xuất thế vô phân biệt trí và hậu đắc trí Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na Trí.

**Giải thích:** Làm rõ hai thể của đạo nhiếp nhau. Do Xa-ma-tha cho nên trí không tán mất. Do Tỳ-bát-xá-na quyết định không có nhiễm ô tham ưa hương vị. Lại nữa...

**Luận nói:** Hậu đắc trí Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na Trí, do trong vô lượng vô số trăm ngàn Câu-chi Đại Kiếp, nương vào Niệm Niệm tu tập. Do chỗ đắc chuyển y trước kia, vì muốn đắc ba thứ thân của Phật mà tu thêm gia hạnh.

**Giải thích:** Trí này là thế trí hay là Xuất thế trí? Không thể nói là thế trí, vì không phải là trí mà thế gian tu tập; không thể nói là xuất thế trí, vì nó khởi trong tâm thế gian, cho nên tâm này khác với vô phân biệt trí tâm. Tâm này cũng có thể nói là thế trí, xuất thế trí và phi thế trí, phi xuất thế trí. Hai trí này trong thời gian lâu dài niệm niệm tu tập cho nên được chuyển y. Do chuyển y cho nên Bồ-tát khởi tâm nói: Ta nay nhất định phải đắc ba thứ thân Phật. Vì nghĩa này cho nên phải tu thêm gia hạnh.

**Luận nói:** Là Thanh-văn kiến đạo, là Bồ-tát kiến đạo, hai kiến đạo này khác nhau ra sao?

**Giải thích:** Thanh-văn kiến đạo là tha đạo, Bồ-tát kiến đạo là tự đạo, hai kiến đạo này là đạo sai biệt và quả sai biệt. Tướng đó như thế nào ?

**Luận nói:** Kiến đạo của Thanh-văn và Bồ-tát, phải biết có mười một thứ sai biệt.

**Giải thích:** Năm sai biệt trước thuyết minh đạo sai biệt, sáu sai biệt sau thuyết minh quả sai biệt. Năm thuyết minh đạo sai biệt như sau.

**Luận nói:** Những gì là mười một: 1. Do cảnh giới sai biệt, là duyên đại thừa pháp làm cảnh.

**Giải thích:** Như Lai đã nói Đại thừa mười hai bộ kinh, nói về tu hành pháp, duyên pháp này làm cảnh mà phát đạo tâm, tiểu thừa thì không có sự này.

**Luận nói:** 2. Do y chỉ sai biệt, là nương vào tư lương của đại phước đức và trí tuệ làm y chỉ.

**Giải thích:** Đạo này cùng với nhị thừa đạo và thế gian đạo có khác nhau, thế gian chỉ tu phước đức mà không có trí tuệ, nhị thừa chỉ tu trí tuệ mà không có phước đức, Bồ-tát thì tu đầy đủ phước đức và trí tuệ, do đó mà trợ đạo được thành. Trợ đạo tức là y chỉ, y chỉ này trong đạo phương tiện tức là hai thứ Tư tuệ và tu tuệ.

**Luận nói:** 3. Do thông đạt sai biệt, là thông đạt nhân vô ngã và pháp vô ngã.

**Giải thích:** Trước hết trong phương tiện đã đắc Tư tuệ và tu tuệ. Từ đây được nhập chân quán, có thể thông đạt lý của nhân vô ngã và pháp vô ngã. Đối với nhân và pháp không sinh ái nhiễm. Phàm phu thì nhiễm nhân, nhị thừa thì nhiễm pháp, Bồ-tát thì cả hai đều không nhiễm, cho nên nói rằng là nhân dục và pháp dục. Đây là thuyết minh chỗ đắc chân tu tuệ của Bồ-tát, là thể chánh đạo khác tiểu thừa.

**Luận nói:** 4. Do Niết-bàn sai biệt, là nhiếp vô trụ xứ Niết-bàn, lấy làm trụ xứ.

**Giải thích:** Niết-bàn này không phải là đạo quả, là đạo trụ xứ. Tại sao? Vì do Bồ-tát hành Bát-nhã, quán sát sai lầm của sinh tử, tu đạo không ở tại sinh tử; do Bồ-tát hành Đại Bi, quán chúng sinh Khổ khởi tâm cứu tế, tuy không ở tại sinh tử nhưng không xả sinh tử, không trụ Niết-bàn. Do đạo Trụ xứ này, hai tướng không chấp chân tục sinh, gọi là đạo vô tướng. Đạo tiểu thừa thì không có sự này.

**Luận nói:** 5. Do địa sai biệt, là nương vào thập địa để xuất ly.

**Giải thích:** Đạo có hạ, trung và thượng. Thượng tức là thập địa, thập địa ra khỏi bốn thứ sinh tử, làm công năng chung. Nương vào thập địa Bồ-tát này có thể ra khỏi, khác với tiểu thừa. Sau đây là sáu thứ thuyết minh về quả sai biệt.

**Luận nói:** 6. 7. Do thanh tịnh sai biệt, là diệt tập khí của phiền não, và trị tịnh độ thành thanh tịnh.

**Giải thích:** Trước có năm sự đã thuyết minh đạo sai biệt, sau đây là sáu sự. Kế tiếp thuyết minh sở đắc quả của tu đạo cùng với nhị thừa có khác nhau. Sai biệt thứ sáu thuyết minh nội thanh tịnh, sai biệt thứ bảy thuyết minh ngoại thanh tịnh. Nội là do tu đạo trong tự tương tục, diệt trừ tập khí của phiền não, gọi là nội thanh tịnh. Ngoại là do tu hạnh tịnh độ, độ (cõi) của chỗ ở không có ngũ trược, thế giới như cây pha-lê, gọi là thanh tịnh. Nội thì làm tự tánh tịnh, ngoại thì làm thanh tịnh tha. Tiểu thừa thì không có sự này.

**Luận nói:** 8. Do đối với tất cả chúng sinh đắc bình đẳng tâm sai biệt, là vì thành thực chúng sinh, không xả công đức thiện căn của gia hạnh.

**Giải thích:** Bồ-tát như tự thân phải Bát Niết-bàn, muốn Bát Niết-bàn tất cả chúng sinh, do bình đẳng tâm này mà không xả công đức thiện căn của gia hạnh. Lại nữa, độ khác là công đức Bát-nhã làm thiện căn ngũ độ làm công đức, tinh tấn làm thiện căn. Lại nữa, Bát-nhã và tinh tấn làm thiện căn, các độ còn lại làm công đức. Tiểu thừa thì không có sự này.

**Luận nói:** 9. Do thọ sinh sai biệt. Là sinh vào nhà Như Lai là sinh.

**Giải thích:** Thấy chân như lý, chứng Phật pháp thân, có thể khiến cho chủng tánh Như Lai không dứt, xứng đáng sinh vào nhà Như Lai, cho đến đời sau được thành Phật, nói đó là sinh. Tiểu thừa thì không có sự này.

**Luận nói:** 10. Do hiển hiện sai biệt. Là trong Đại tập luân của đệ tử của Phật, thường có thể hiển thị hiện để nhiếp thọ chánh pháp.

**Giải thích:** Các Bồ-tát, gọi chung là Phật tử, có nhiều Bồ-tát tụ hội cho nên gọi là đại tập. Pháp mà Như Lai nói có ba nghĩa cho nên gọi là Luân: 1. Có thể thượng hoặc hạ. 2. Chưa đắc thì có thể đắc, đã đắc thì có thể giữ chắc. 3. Có thể từ đây đến kia. Bồ-tát thường ở trong đại tập hiển hiện dạy không phá Tăng, thường ở trong pháp luân để hiển hiện dạy hộ trì chánh pháp, đã đắc thì khiến cho không mất, gọi là nhiếp;

chưa đặc khiến cho đặc, gọi là Thọ. Tiểu thừa thì không có sự này.

**Luận nói:** 11. Do quả sai biệt, là thập lực, không sợ, bất cộng... pháp của Như Lai và vô lượng công đức sinh làm quả.

**Giải thích:** Bồ-tát tu đạo đều là vì đặc các quả như vậy của Như Lai. Tiểu thừa thì không có sự này.

**Luận nói:** Trong đây nói hai bài kệ.

**Giải thích:** Trong đây tức là trong kiến đạo nói hai bài kệ để chỉ rõ từ kiến đạo phương tiện nhập chân như quán.

**Luận nói:**

*Danh nghĩa lẫn nhau khách,  
Bồ-tát nên tầm tư,  
Phải quán hai Duy lượng,  
Và hai giả thuyết kia.  
Từ đây sinh thật trí,  
Lìa Trần, ba phân biệt,  
Nếu thấy đó không có,  
Được nhập ba vô tánh.*

**Luận nói:** Danh nghĩa làm khách lẫn nhau, Bồ-tát nên tầm tư.

**Giải thích:** Danh trong nghĩa là khách, nghĩa trong danh cũng là khách, vì không phải loại bản tánh. Bồ-tát nhập tịch tĩnh phải quán sát đạo lý này. Đây là phương tiện tầm tư thứ nhất.

**Luận nói:** Phải quán hai Duy Lượng và hai giả thuyết kia.

**Giải thích:** Bồ-tát phải quán hai pháp danh và nghĩa, chỉ có vô sở hữu làm lượng. Tại sao vậy? Vì nghĩa có hai thứ: 1. Tự tánh. 2. Sai biệt. Đều là vô sở hữu, chỉ là giả thuyết. Giả thuyết này nếu cùng với nghĩa đồng nhau thì giả thuyết của nghĩa vô sở hữu cũng là vô sở hữu; nếu cùng với nghĩa không đồng nhau thì tự nhiên vô sở hữu, giả thuyết tức là giả danh, vì danh vô sở hữu cho nên đối với nghĩa là khách, nghĩa vô sở hữu cho nên đối với danh là khách, vì vô sở hữu là bản tánh của danh và nghĩa, nên lấy vô tướng làm duy lượng của danh và nghĩa. Đây tức là phương tiện như thật trí thứ hai.

**Luận nói:** Từ đây sinh thật trí, lìa trần, tam phân biệt.

**Giải thích:** Từ bốn thứ tầm tư sinh bốn thứ như thật trí. Ai có khả năng đặc tứ trí này? Nếu ai có khả năng thấy ba thứ chỉ là phân biệt, thật không có ngoại trần, thì người ấy đặc một phần như thật trí. Những gì là Tam phân biệt: 1. Phân biệt danh. 2. Phân biệt tự tánh. 3. Phân biệt sai biệt.

**Luận nói:** Nếu thấy đó không có.

**Giải thích:** Hai câu trước thuyết minh liễu đạt ba phân biệt là được nhập vô trần quán, nương vào tánh y tha để xua đuổi tánh phân biệt. Câu này thì thuyết minh nương vào chân như mà xua đuổi tánh y tha. Tại sao có thể xua đuổi? Do danh và nghĩa không có gì, năng phân biệt cũng không được là có. Tại sao vậy? Nếu Danh và Nghĩa của sở phân biệt là có, thì năng phân biệt duyên danh và nghĩa này, thì có thể nói là có, nhưng do danh nghĩa là không có gì cho nên nhân duyên của sở phân biệt là không thể của năng phân biệt cũng là không có gì. Nếu Bồ-tát thấy danh nghĩa là không có gì, thì năng phân biệt cũng là không có gì, thì Bồ-tát này được nhập vào quán gì?

**Luận nói:** Được nhập ba vô tánh.

**Giải thích:** Bồ-tát thấy danh nghĩa làm khách lẫn nhau, thì nhập vào tánh phân biệt của danh nghĩa khác. Nếu Bồ-tát thấy tự tánh giả thuyết của danh sai biệt, giả thuyết chỉ có phân biệt làm thể thì được nhập phân biệt vô tướng tánh. Nếu Bồ-tát chỉ thấy loạn thức không có sáu thứ tướng, thì thể của loạn thức này không thành, cho nên không thể nói. Nhân duyên không thành cho nên không thể chấp có sinh khởi. Trong đây phân biệt đã không có thì ngôn thuyết cũng bất khả đắc, là nhập y tha vô sinh tánh. Nếu Bồ-tát thấy hai nghĩa này có, không thì nhập ba vô tánh phi an lập đế.

**Luận nói:** Lại nữa, hai bài kệ của chánh giáo như luận quán phân biệt nói.

**Giải thích:** Hiện tại trong luận này chỉ rõ nhập cảnh trí của kiến đạo không viên mãn cho nên dẫn phân biệt quán. Luận hai bài kệ để chỉ rõ thành nghĩa này. Người nào và vị nào có thể thấy tâm này? Chỉ là ảnh bóng, không có nghĩa thật pháp.

**Luận nói:**

*Bồ-tát tại tịnh vị, Quán  
tâm chỉ là ảnh, Xả ly  
tướng ngoại trần,  
Chỉ định quán tự tướng.  
Bồ-tát trụ bên trong,  
Nhập sở thủ không có,  
Kế quán năng thủ không,  
Sau xúc hai vô đắc.*

**Luận nói:** Bồ-tát tại tịnh vị, quán tâm chỉ là ảnh.

**Giải thích:** Chỉ có người Bồ-tát tại tịch tịnh vị mới có thể khởi quán pháp này, Nghĩa thật ra là không có gì, tâm tương tự pháp nghĩa



hiển hiện, cho nên nói chỉ là ảnh.

**Luận nói:** Xả ly tướng ngoại trần, chỉ định quán tự tướng.

**Giải thích:** Nếu người ở trong tịch tĩnh vị đã hiểu rõ tâm chỉ là bóng ảnh thì có thể trừ tướng ngoại trần, là tự tâm tướng tự pháp và nghĩa tướng khởi. Phải khởi quán như vậy.

**Luận nói:** Bồ-tát trụ bên trong.

**Giải thích:** Nếu tâm Bồ-tát như vậy được trụ thì thật ra không có trần, tâm duyên nội tâm mà khởi, vì không duyên ngoại trần cho nên trụ bên trong. Nếu trụ bên trong thì tâm định này quán chỗ nào ?

**Luận nói:** Nhập sở thủ chẳng phải có.

**Giải thích:** Sở thủ nghĩa đó thật ra không có gì, Bồ-tát có thể thấy sở Thủ cảnh là không.

**Luận nói:** Kế quán năng thủ không.

**Giải thích:** Do sở thủ nghĩa thật là chẳng có. Điều mà thế gian nói tâm là năng thủ, đạo lý như vậy cũng không được thành, cho nên người Quán hành cũng không thấy có tâm năng thủ. Trước đã không thấy sở thủ, sau cũng không thấy năng thủ, lúc đó người Quán hành có sở đắc gì?

**Luận nói:** Sau xúc hai vô đắc.

**Giải thích:** Chân như không phải sở thủ, không phải năng thủ, lấy vô sở đắc làm thể. Nói chân như là hai thứ vô đắc, là người trước hết đã nhập vô tướng tánh, kế đó nhập vô sinh tánh, sau cùng là nhập chân như vô tánh tánh. xúc là lấy nhập đắc làm nghĩa, do nhập đắc chân như cho nên gọi là xúc. Hai bài kệ trước khác với hai bài kệ sau như thế nào? Hai kệ trước căn cứ theo danh nghĩa và giả thuyết để làm rõ bốn tầm tư như thật trí làm phương tiện để nhập chân quán. Hai kệ sau thuyết minh thể của ba tánh và ba vô tánh.

**Luận nói:** Lại có chỗ nói năm bài kệ trong kinh luận Đại Thừa Trang Nghiêm đã nói để làm rõ đạo này.

**Giải thích:** Nghĩa Kinh sâu kín khó hiểu, làm rõ như thật chánh Nghĩa trong Kinh cho nên gọi là Trang Nghiêm Kinh Luận. Bài Luận giải thích Kinh này do đó được tên Trang Nghiêm. Trong Trang Nghiêm Kinh Luận có rất nhiều nghĩa, hiện tại chỉ lược lấy năm bài kệ. Kệ này muốn làm rõ chỗ nào? Kệ này làm rõ nghĩa khó giác hiểu trong tu đạo.

**Luận nói:**

*Bồ-tát sinh trưởng phước và tuệ,  
Hai thứ tư lượng vô lượng tế,*

*Với pháp tư duy, tâm quyết định,  
Năng Liễu Nghĩa Loại phân biệt nhân.*

**Luận nói:** Bồ-tát sinh trưởng phước và tuệ.

**Giải thích:** Bồ-tát như trước đã giải thích, sinh ở kiến vị, trưởng thành ở tu vị. Lại sát-na đầu gọi là sinh, sát-na sau gọi là trưởng. Lại nữa, đơn giản gọi là sinh, phức tạp gọi là trưởng. Điều Bồ-tát tu chỉ có phức không có đơn, sinh trưởng một thời gian mới thành. Chỗ sinh trưởng là pháp gì? Là phước và tuệ. Tam độ của thí gọi là phước, Bát-nhã gọi là tuệ. Tinh Tấn và định nếu là sinh phước thì thuộc phước, nếu là sinh tuệ thì thuộc tuệ. Nguyên nhân như vậy. Là tinh tấn nếu sinh bố thí, trì giới, nhẫn nhục thì thuộc phước, nếu sinh văn tư tu tuệ thì thuộc tuệ. Định nếu nương vào tứ vô lượng mà khởi, duyên chúng sinh làm cảnh thì thuộc phước. Nếu sinh tận trí, vô sinh trí và vô phân biệt trí thì thuộc tuệ. Người nào có thể sinh trưởng? Là người Bồ-tát.

**Luận nói:** Hai thứ tư lương vô lượng tế.

**Giải thích:** phước và tuệ này có hai thứ công dụng: 1. Năng trợ đạo. 2. Năng thành đạo thể. Do hai công dụng này cho nên đạo được thành tựu. Do đó nói hai thứ này là tư lương của đạo. Hai thứ này dùng mấy công lực? Phàm trải qua bao nhiêu thời gian để thành tựu đạo, công lực vô lượng thì thời tiết cũng không có biên tế, không có ngôn ngữ để chỉ rõ thời gian lâu xa, ví như nói đại hải vô lượng. Đại kiếp vô biên tế, vì lâu xa cho nên tư lương cũng vậy. Tu mỗi mỗi độ đều khắp tất cả chúng sinh, cho nên công lực vô lượng. Tu mỗi mỗi độ trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, cho nên thời gian trải qua không có bờ mé, giới hạn.

**Luận nói:** Với pháp tư duy, tâm quyết định.

**Giải thích:** Do định, sau đó tâm quán sát các pháp, cho nên đối với pháp tâm được quyết định. Lại nữa, Bồ-tát có tu đầy đủ ngũ minh, đối với phương tiện độ lượng thì có đầy đủ tự khả năng, đối với tư duy thì tâm được quyết định.

**Luận nói:** Năng liễu nghĩa loại phân biệt nhân.

**Giải thích:** Bồ-tát có khả năng so sánh, có khả năng chứng cho nên gọi là năng liễu, chân đế và tục đế gọi là nghĩa loại, biết nghĩa loại này thì chỉ lấy phân biệt làm nhân, đó là năng liễu.

**Luận nói:**

*Đã biết nghĩa loại chỉ phân biệt,  
Được trụ tợ nghĩa trong duy thức,  
Nên người Quán hành chứng pháp giới,  
Giỏi là hai tướng và không hai.*

**Luận nói:** Đã biết nghĩa loại chỉ phân biệt.

**Giải thích:** Do Bồ-tát đối với nghĩa loại và phân biệt, tâm đã quyết định.

**Luận nói:** Được trụ tợ nghĩa trong duy thức.

**Giải thích:** Do Bồ-tát tư duy như thế đó, là chỉ có thức tợ trần hiển hiện, Tâm Bồ-tát trụ trong duy thức, không duyên bên ngoài mà khởi.

**Luận nói:** Nên người Quán hành chứng pháp giới.

**Giải thích:** Do người Quán hành lìa ngoại trần, chỉ duyên thức trụ mà biết trần vô tướng, gọi là chứng pháp giới.

**Luận nói:** Giải lìa hai tướng và không hai.

**Giải thích:** Pháp giới mà mình chứng có tướng gì? Là lìa hai tướng năng thủ và sở thủ và hai phân biệt không có nhân và vô pháp. Bồ-tát đã chứng pháp giới như vậy.

**Luận nói:**

*Nếu lìa nơi tâm biết vô dư,  
Do đây liền thấy tâm chẳng có,  
Người trí thấy hai không có này,  
Được trụ chân pháp giới không hai.*

**Luận nói:** Nếu lìa nơi tâm biết vô dư.

**Giải thích:** Do phương tiện này mà khiến cho pháp giới có thể chứng, bây giờ làm rõ phương tiện này, biết lìa duy thức thì bên ngoài không riêng có các pháp khác.

**Luận nói:** Do đây liền thấy tâm chẳng có.

**Giải thích:** Do thấy sở duyên nghĩa chẳng có, cho nên biết năng duyên tâm cũng chẳng có.

**Luận nói:** Người trí thấy hai thứ không có này.

**Giải thích:** Người trí, là các Bồ-tát, thấy cảnh và tâm, cả hai đều chẳng có.

**Luận nói:** Được trụ pháp giới chân như không hai.

**Giải thích:** Bồ-tát nếu thấy cả hai đều chẳng có thì được trụ chân pháp giới. Chân pháp giới là vô trần và vô thức, cho nên nói là không hai. Lìa hai thứ hư vọng điên đảo và biến dị cho nên gọi là chân, là tánh đệ nhất của các pháp cho nên gọi là pháp giới.

**Luận nói:**

*Do tuệ nhân vô phân biệt trí,  
Hằng hành bình đẳng khắp tất cả,  
Nhiệm nương trừ mật quá tị tánh,  
Khiến diệt như thuốc giải trừ độc.*

**Luận nói:** Do nhân tuệ ở vô phân biệt trí, thường hành hạnh bình đẳng khắp tất cả.

**Giải thích:** Đây là Bồ-tát đã thấy chân như, gọi là người có trí tuệ, đã ở trong kiến đạo đặc vô phân biệt trí. Trí này là tướng gì? Một là lấy không thoái lui làm tướng. Vì không thoái lui cho nên gọi là hằng. Hai là lấy hành bình đẳng làm tướng, trí này thấy lý bình đẳng của tất cả pháp, cũng như hư không, đối với các pháp ba thừa của Như Lai đã nói mười hai bộ Tu-đa-la đồng thấy một vị không có sai biệt. Nội pháp và ngoại pháp gọi là “tất cả. Các pháp nội ngoại đồng một tánh cho nên gọi là “khắp. Hạnh bình đẳng chỉ rõ thể của trí tuệ, “khắp tất cả” chỉ rõ cảnh giới của trí tuệ. Do Bồ-tát có trí không phân biệt trí như vậy, là muốn làm gì?

**Luận nói:** Nhiễm nường trừ mật quá Tụ tánh.

**Giải thích:** Ba thứ phẩm bất tịnh gọi là nhiễm. Nhiễm này lấy quá tụ tánh làm y chỉ vì từ quá tụ tánh mà sinh. Quá tụ tánh này gọi là trừ mật, vì khó hiểu khó phá. Là chánh giáo của Như Lai ra, các giáo khác không thể giúp cho hiểu, cho nên nói là khó hiểu. Là trí vô phân biệt ra, các trí khác không thể phá cho nên nói khó phá. Chúng tử huân tập của tất cả pháp nhiễm ô, là thể của quá tụ tánh.

**Luận nói:** Khiến diệt như thuốc giỏi trừ độc.

**Giải thích:** tánh này là nhân của ba phẩm bất tịnh pháp, các Hoặc khó hiểu khó phá huân tập chúng tử làm tánh. Do trí vô phân biệt của người thông tuệ, có thể xua đuổi có thể trừ quá tụ tánh này, như thuốc A-dà-đà có thể trừ các độc. Xua đi căn cứ hiện tại, diệt là căn cứ theo vị lai, tức là tận vô sinh trí của Bồ-tát.

**Luận nói:**

*Phật thuyết chánh pháp khéo thành lập,  
An tâm có căn trong pháp giới,  
Đã biết ức niệm chỉ phân biệt,  
Bờ biển công đức người trí đến.*

**Luận nói:** Phật thuyết chánh pháp khéo thành lập.

**Giải thích:** Tất cả ba đời chư Phật đều cùng thuyết pháp này, lý mà các ngài nói đều giống nhau, không trái nhau, cho nên gọi là chánh pháp. Lại nữa, muốn chỉ rõ người thuyết thù thắng cho nên nói Phật Thuyết. Do sự thuyết đạo lý thù thắng và sự đặc quả thù thắng cho nên gọi là chánh pháp. Như Lai thành lập chánh pháp có ba thứ: 1. Lập tiểu thừa. 2. Lập đại thừa. 3. Lập nhất thừa. Trong ba loại này, loại thứ ba là tối thắng, cho nên nói là khéo thành lập.

**Luận nói:** An tâm hữu căn trong pháp giới.

**Giải thích:** Bồ-tát trước đã đắc Văn tuệ và Tư tuệ, an tâm trong chánh pháp của Như Lai, sau đó hợp chung lại quán tất cả chánh thuyết của Như Lai làm cảnh giới, tức là trí vô phân biệt. Trí này gọi là hữu căn. Đắc trí này rồi thì các trí khác đều diệt mất. Chỉ có trí này là không thể bị động hoại, cho nên gọi là hữu căn. Lại nữa, trong ba căn vô lưu thì trí này là căn thứ nhất, là “vị trí dục tri căn”, cho nên gọi là hữu căn. Lại nữa, giải thoát có ba sự: 1. Năng sinh giải thoát. 2. Năng trì giải thoát, khiến cho trụ không mất. 3. Năng dụng giải thoát, là lợi mình lợi người. Ba sự giải thoát này phối hợp với ba căn vô lưu. Trí vô phân biệt này thông với ba xứ mà được tên. Tự thể là căn. Lại nữa, có thể vì người khác mà làm căn cho nên gọi là hữu căn. Hữu căn này, tâm an trụ trong pháp giới.

**Luận nói:** Đã biết ức niệm chỉ phân biệt.

**Giải thích:** Bồ-tát đã trụ trong tâm hữu căn, sau khi xuất quán, trong trí vô phân biệt sau, các sự nhập quán như trước đều có thể ức niệm, biết ức niệm này không phải thật có, chỉ là phân biệt. Do trí vô phân biệt và vô phân biệt hậu, Bồ-tát được tiến đến vị nào?

**Luận nói:** Bờ biển công đức người trí đến.

**Giải thích:** Trong nhân công đức của Như Lai, có mười địa, mười Ba-la-mật... trong quả có trí đức, đoạn đức, ân đức. Các đức như vậy chỉ duy nhất Phật mới đắc, người khác thì không thể đắc, cho nên gọi là biển, Nhân quả rốt ráo gọi là “bờ”. Người trí tức là Bồ-tát, Bồ-tát nương vào hai trí trước, có thể đạt đến công đức bờ biển chưa từng đến.

Năm bài kệ trong đây tổng thuyết minh nhiều nghĩa. Kệ thứ nhất chỉ rõ đạo “tư lương”, kệ thứ hai chỉ rõ đạo “gia hạnh”. Kệ thứ ba chỉ rõ “kiến đạo”. Kệ thứ tư chỉ rõ “tu đạo”. Kệ thứ năm chỉ rõ đạo “cứu cánh.”

